

RESEARCH ON THE IMPLEMENTATION OF INTEGRATED TEACHING METHODS FOR FOOD SAFETY EDUCATION IN ELEMENTARY SCHOOLS

Tran Thi Phuong Dung, Trinh Thuy Xuan Thao,
 Nguyen Thi Tuyet Lan, Luu Tang Phuc Khang*
 HCMC University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	27/6/2023	The study aimed to assess the current status of teaching food hygiene and safety education with an integrated approach among 63 teachers and 498 primary school students. The teachers found that integrating this content worked well in subjects such as Experiential Activity, Science, and Ethics, as it allowed for interdisciplinary connections. They also determined that teaching methods involving learning games, hands-on practice, and cooperative learning were suitable. Several favorable factors were identified, including the openness of the 2018 PE curriculum and cognitive characteristics. However, teachers faced challenges related to limited class time, lack of reference materials, and students' limited experience, knowledge, and skills in learning the content. Most students expressed interest and enthusiasm for engaging in more hands-on activities, experiments, games, observations, and field trips. When students participated in the study, they demonstrated some existing knowledge and skills, as well as an eagerness for new and interesting activities. However, the lack of sufficient knowledge and skills to effectively perform activity-related tasks posed certain limitations.
Revised:	17/7/2023	
Published:	17/7/2023	
KEYWORDS		
Elementary school		
Food safety education		
Grade 5		
Integrated teaching		
Teaching methods		

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG TÍCH HỢP NỘI DUNG VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Trần Thị Phương Dung, Trịnh Thụ Xuân Thảo,
 Nguyễn Thị Tuyết Lan, Lưu Tăng Phúc Khang*
 Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	27/6/2023	Nghiên cứu thực hiện nhằm khảo sát thực trạng dạy học nội dung giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm theo định hướng tích hợp trên 63 giáo viên và 498 học sinh tiểu học. Giáo viên đã xác định dạy học tích hợp mạch nội dung này phù hợp với dạy trong các môn như Hoạt động trải nghiệm, Khoa học, Đạo đức và thực hiện tích hợp liên môn. Giáo viên xác định dạy học bằng phương pháp trò chơi học tập và thực hành, luyện tập, phương pháp dạy học hợp tác là phù hợp. Các yếu tố thuận lợi trong dạy học: tính “mở” của CT GDPT 2018, đặc điểm nhận thức,... Ngoài ra, giáo viên gặp khó khăn khi dạy học tích hợp với thời lượng tiết học, tài liệu tham khảo; vốn kinh nghiệm, hiểu biết, kỹ năng của học sinh đối với nội dung học tập còn hạn chế,... Đa số học sinh hứng thú và mong muốn tham gia thêm các hoạt động thực hành thí nghiệm, tham gia trò chơi, quan sát vật thật, tham quan dã ngoại,... Thuận lợi khi học sinh tham gia học là học sinh đã có một số kiến thức và kỹ năng; các hoạt động mới lạ, hấp dẫn, thú vị. Tuy nhiên, việc chưa có đầy đủ kiến thức và kỹ năng tốt để thực hiện giải quyết nhiệm vụ của các hoạt động lại gây nên một số hạn chế nhất định.
Ngày hoàn thiện:	17/7/2023	
Ngày đăng:	17/7/2023	
TỪ KHÓA		
Dạy học tích hợp		
Lớp 5		
Phương pháp dạy học		
Tiểu học		
Vệ sinh an toàn thực phẩm		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8227>

* Corresponding author. Email: ltphcmue@gmail.com

1. Giới thiệu

Chương trình giáo dục phổ thông (CT GDPT) tổng thể ban hành năm 2018 chú trọng đến việc đảm bảo phát triển phẩm chất và năng lực cho người học. Đồng thời, trong quan điểm xây dựng chương trình và định hướng phương pháp giáo dục, chương trình đã đề cập đến việc tổ chức hoạt động dạy học tích hợp (TH) cho học sinh (HS) [1], [2]. Việc thực hiện giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) cho HS tiểu học luôn là vấn đề được quan tâm. HS tiểu học là nhóm đối tượng cần có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vấn đề VSATTP như các tác nhân gây mất VSATTP, các nguy cơ gây ngộ độc thực phẩm,... [3] – [5].

Mặt khác, nội dung VSATTP không được dạy như một môn học riêng biệt mà được lồng ghép, tích hợp vào các môn học khác như Toán học, Hóa học, Tiếng Anh, Lịch sử, Nghệ thuật,... Ở cấp tiểu học, HS khám phá nội dung này thông qua các hoạt động như trò chơi hỏi đáp về các vi sinh vật; xây dựng bữa sáng lí tưởng của bản thân; khám phá màng sinh học của vi khuẩn qua việc xem trực tiếp về loại vi khuẩn gây ra các căn bệnh liên quan đến thực phẩm; tìm hiểu về các loại vi khuẩn có hại và có lợi, lây nhiễm chéo, làm nóng thực phẩm một cách an toàn, học cách chế biến thực phẩm an toàn, thiết kế áp phích, thí nghiệm vi sinh, vi khuẩn... [6] – [8]. Các nghiên cứu về dạy học nội dung VSATTP ở cấp bậc tiểu học vẫn còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá thực trạng dạy học theo định hướng tích hợp nội dung vệ sinh an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học trong môn Khoa học 5, từ đó cung cấp cơ sở thực tiễn, góp phần định hướng GV tiểu học trong việc dạy học nội dung VSATTP theo định hướng tích hợp.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của nghiên cứu nhằm khảo sát thực trạng các hoạt động dạy học, tổ chức dạy học mạch nội dung “Vệ sinh an toàn thực phẩm” (VSATTP) tại các trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành bằng phương pháp định lượng với công cụ thực hiện là bảng hỏi thang độ Likert 5 mức độ đánh giá. Nghiên cứu khảo sát 63 GV và 498 HS khối lớp 5 tại các trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với 03 nội dung chính về giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học bao gồm: (i) thực trạng giảng dạy và học tích hợp vào các môn học mạch nội dung VSATTP; (ii) hình thức tổ chức các hoạt động dạy học; (iii) thuận lợi và khó khăn khi tổ chức dạy học nội dung VSATTP.

Sau khi thu thập xong dữ liệu, xử lí và phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS 20.0, thông qua thống kê mô tả tỷ lệ (%) mẫu được dùng để thống kê đánh giá thực trạng dạy học VSATTP theo định hướng tích hợp.

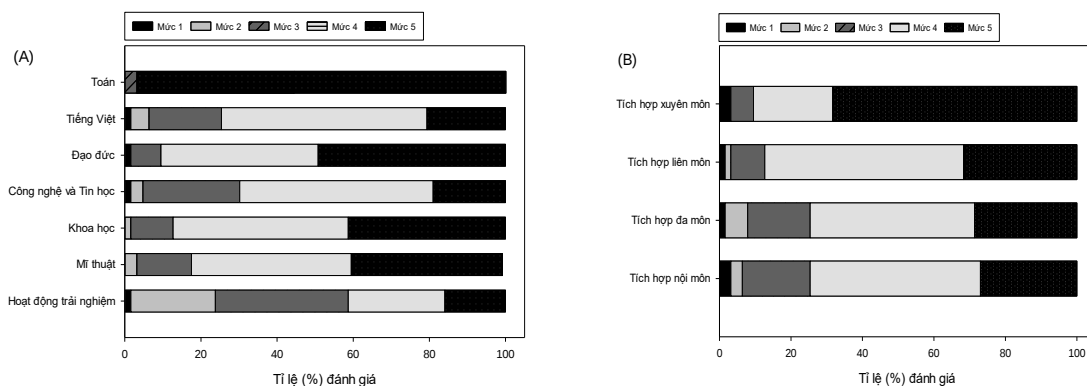
3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thực trạng dạy học mạch nội dung giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học

3.1.1. Thực trạng dạy học tích hợp giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm trong các môn học

Kết quả khảo sát đưa ra 3 môn học được GV đánh giá cao nhất về mức độ phù hợp để tích hợp mạch nội dung giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm vào các môn như Hoạt động trải nghiệm, Khoa học, Đạo đức với việc dạy tích hợp liên môn do các môn học này bao gồm nhiều mạch kiến thức như vật lí, hóa học, sinh học, nội dung giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường nên các môn học này có khả năng cao vừa phù hợp vừa mang lại hiệu quả trong việc TH mạch nội dung trên; đồng thời vừa tạo cơ hội để HS trải nghiệm trong thực tiễn để tích lũy các kinh nghiệm và khái quát thành hiểu biết cá nhân. Các môn học này đều được đánh giá phù hợp với việc tích hợp với tỉ lệ dao động khoảng 41% đến 56% (Hình 1A). Như vậy, để thực hiện dạy học nội dung

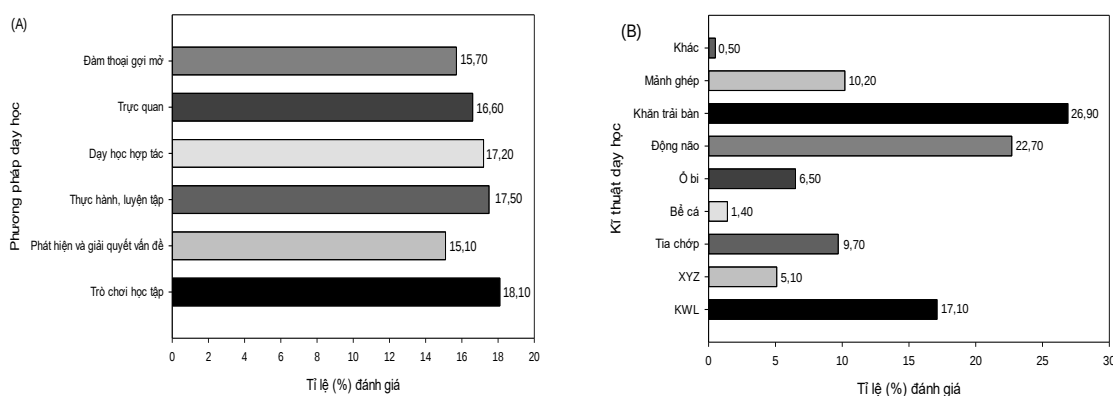
VSATTP theo định hướng TH thì GV đánh giá và lựa chọn môn học phù hợp nhằm mang lại hiệu quả và đáp ứng các mục tiêu giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm theo định hướng tích hợp đặt ra.



Hình 1. Biểu đồ thể hiện đánh giá của giáo viên về mức độ phù hợp (A) và mức độ tích hợp (B) giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm theo định hướng tích hợp

3.1.2. Phương pháp, kỹ thuật dạy học tích hợp giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm trong các môn học

Kết quả đánh giá của GV về phương pháp (PP) và kỹ thuật (KT) dạy học mạch nội dung giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm theo định hướng TH được trình bày tại Hình 2. Kết quả khảo sát cho thấy GV sử dụng đa dạng PP trong dạy học mạch nội dung này. Trong đó, GV sử dụng nhiều nhất là PP trò chơi học tập với tỉ lệ cao nhất (18,1%) và PP thực hành, luyện tập (17,5%), phương pháp dạy học hợp tác (17,2%) (Hình 2A). Bên cạnh đó, tỉ lệ GV lựa chọn sử dụng PP đàm thoại gợi mở và PP phát hiện và giải quyết vấn đề trong giáo dục VSATTP thấp hơn ba phương pháp trên với tỉ lệ 15,7% và 15,1% (Hình 1A). Ngoài ra, KT dạy học khăn trải bàn được GV lựa chọn sử dụng nhiều nhất (26,9%) và tiếp theo là KT dạy học động não chiếm tỉ lệ 22,7% (Hình 1B). Kỹ thuật dạy học XYZ và KT dạy học bể cá được sử dụng rất thấp chỉ với 5,1% và 1,4% (Hình 1B). Ngoài ra còn có 0,5% GV sử dụng KT dạy học khác vào việc giáo dục VSATTP (Hình 1B). Như vậy, có thể thấy việc GV áp dụng đa dạng những PP và KT vào quá trình dạy học đang được quan tâm.

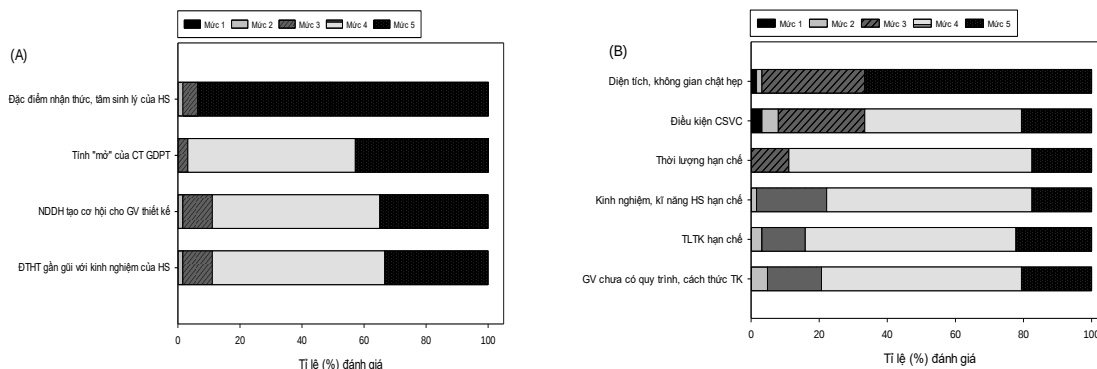


Hình 2. Biểu đồ thể hiện đánh giá của giáo viên về phương pháp (A) và kỹ thuật (B) dạy học trong giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm

3.1.3. Yếu tố thuận lợi và khó khăn khi tổ chức dạy học tích hợp giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm

Kết quả đánh giá của GV về yếu tố tác động đến quá trình giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm theo định hướng tích hợp được trình bày tại Hình 3. Các yếu tố thuận lợi nhất được GV xác định trong dạy học tích hợp giáo dục VSATTP được thể hiện qua một số yếu tố: tính “mở” của CT GDPT 2018 giúp GV chủ động, sáng tạo trong tổ chức dạy học TH và đặc điểm nhận thức, tâm

sinh lí của HS lớp 5 đáp ứng tốt các yêu cầu của hoạt động dạy học TH được GV đánh giá ở mức “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” dao động trong khoảng 42% đến 54% (Hình 3A). Song song đó, GV thường xuyên gặp khó khăn khi dạy học tích hợp giáo dục VSATTP như thời lượng tiết học, tài liệu tham khảo; vốn kinh nghiệm, hiểu biết, kỹ năng của HS đối với nội dung học tập còn hạn chế,... với tỉ lệ đánh giá ở mức độ “đồng ý” và mức độ “hoàn toàn đồng ý” dao động từ khoảng 33% đến 56%, trong đó khó khăn nhất về điều kiện cơ sở vật chất để tiến hành dạy học (Hình 2B). Như vậy, phần lớn GV đã xác định được những khó khăn và thuận lợi khi dạy học tích hợp mạch nội dung giáo dục VSATTP.

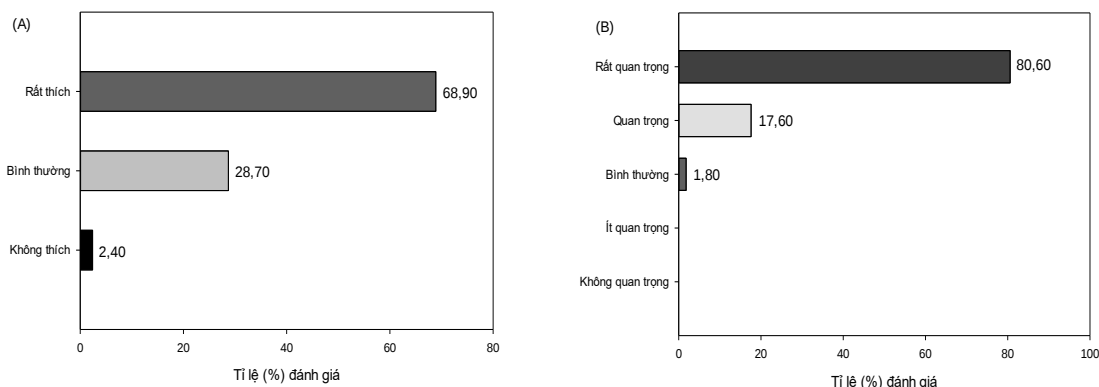


Hình 3. Biểu đồ thể hiện đánh giá của giáo viên về yếu tố thuận lợi (A) và bất lợi (B) tác động đến việc giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm theo định hướng tích hợp

3.2. Thực trạng học mạch nội dung giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm của học sinh tiểu học

3.2.1. Sự nhận thức về tầm quan trọng và hứng thú của học sinh

Kết quả đánh giá của HS về tầm quan trọng và hứng thú khi học VSATTP được trình bày qua Hình 4. Kết quả khảo sát cho thấy 68,9% HS cảm thấy rất thích học nội dung VSATTP và hứng thú khi được học các kiến thức và tham gia các hoạt động về nội dung này. Bên cạnh đó, số HS nhận thấy vấn đề VSATTP có vai trò “quan trọng” và “rất quan trọng” đối với sức khỏe của bản thân chiếm 98,2% HS (Hình 4).

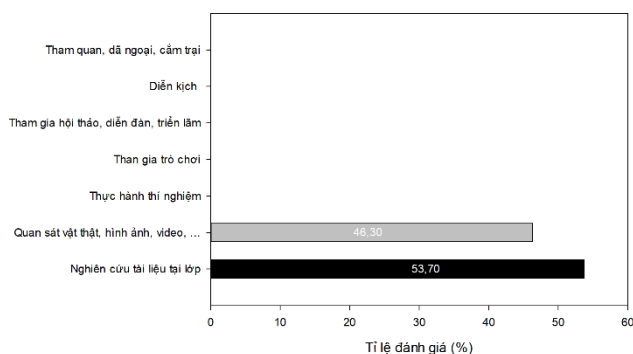


Hình 4. Biểu đồ thể hiện đánh giá của học sinh về tầm quan trọng (A) và cần thiết (B) khi tham gia học tích hợp giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm

3.2.2. Hoạt động học tích hợp giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm trong các môn học

Phần lớn hoạt động HS được tham gia nhiều nhất khi học tập nội dung VSATTP là nghiên cứu tài liệu (53,7%), tiếp đến là hoạt động quan sát vật thật, hình ảnh, video,... (46,3%) (Hình 5). Trên thực tế, các hoạt động này giúp GV tối giản việc chuẩn bị các dụng cụ học tập, hoạt động

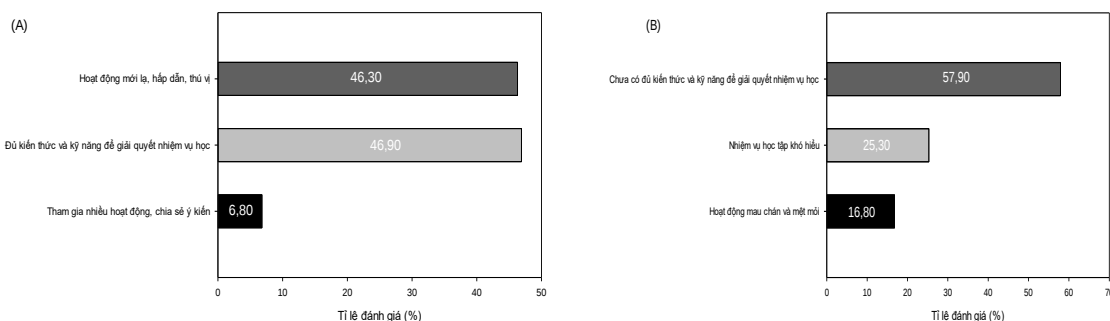
thực hành trong học tập. HS cho rằng đã được học nội dung VSATTP nhiều nhất qua môn Đạo đức, Khoa học và Tiếng Việt với tỉ lệ dao động từ 40,9% đến 26,7% (Hình 5). Như vậy, có thể thấy, GV đã tổ chức giáo dục nội dung VSATTP qua việc TH ở một số môn học. Điều này được xem là bước tiến quan trọng trong quá trình tiếp cận và thực hiện các nội dung dạy học TH.



Hình 5. Biểu đồ thể hiện hoạt động học tích hợp vệ sinh an toàn thực phẩm

3.2.3. Yếu tố thuận lợi và khó khăn khi học tích hợp giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm

Thuận lợi lớn nhất của HS khi tham gia học nội dung VSATTP là HS có kiến thức và kỹ năng để thực hiện giải quyết nhiệm vụ của các hoạt động (46,9%); các hoạt động mới lạ, hấp dẫn, thú vị khiến các em muốn tham gia (46,3%) (Hình 6A). Bên cạnh đó, yếu tố thuận lợi là được tham gia nhiều hoạt động, được chia sẻ ý kiến và sự sáng tạo của bản thân cũng chiếm tỷ lệ thấp nhất (6,8%) (Hình 6A). Vì vậy, nghiên cứu cần thiết kế hoạt động dạy học sao cho đáp ứng được các tiêu chí trên để HS thuận lợi tham gia học tập. Kết quả khảo sát chỉ ra những khó khăn lớn khi tham gia học tập VSATTP mà HS gặp là chưa có đầy đủ kiến thức và kỹ năng để thực hiện giải quyết nhiệm vụ của các hoạt động (57,9%); các nhiệm vụ học đưa ra khó hiểu (25,3%); các hoạt động khiến HS mau chán và mệt mỏi (16,8%). Do đó, GV tổ chức các hoạt động học tập thú vị, cung cấp nhiệm vụ rõ ràng và dễ hiểu cũng như tăng tính hấp dẫn, thu hút HS tham gia.



Hình 6. Biểu đồ thể hiện yếu tố thuận lợi (A) và khó khăn (B) khi học tích hợp giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy thực trạng dạy học và học mạch nội dung giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm theo định hướng tích hợp. Về phía GV đã xác định dạy học tích hợp mạch này phù hợp với dạy trong các môn như Hoạt động trải nghiệm, Khoa học, Đạo đức và thực hiện tích hợp liên môn. GV xác định dạy học bằng PP trò chơi học tập và PP thực hành, luyện tập, phương pháp dạy học hợp tác là phù hợp. Các yếu tố thuận lợi trong dạy học tích hợp giáo dục VSATTP: tính “mở” của CT GDPT 2018, đặc điểm nhận thức, tâm sinh lí của HS. Ngoài ra, GV gặp khó khăn khi dạy học tích hợp với thời lượng tiết học, tài liệu tham khảo; vốn kinh nghiệm, hiểu biết, kỹ năng của HS đối với nội dung học tập còn hạn chế,... Về phía HS, đa số các em hứng thú và

nhận thấy mạch nội dung VSATTP quan trọng, các em mong muốn tham gia thêm các hoạt động thực hành thí nghiệm, tham gia trò chơi, quan sát vật thật, tham quan dã ngoại,... Thuận lợi khi HS tham gia học nội dung VSATTP là HS đã có một số kiến thức và kỹ năng; các hoạt động mới lạ, hấp dẫn, thú vị. Tuy nhiên, việc chưa có đầy đủ kiến thức và kỹ năng tốt để thực hiện giải quyết nhiệm vụ của các hoạt động lại gây hạn chế nhất định khi HS tham gia học tập VSATTP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. H. Tuong and H. T. Do, "Experiential Learning Model: Training Model of Integration Teaching-Learning of Science Subjects for Future Teacher," *VNU Journal of Science: Education Research*, vol. 32, no. 1, pp. 27-33, 2016.
- [2] T. G. Hoang, "Teaching Mathematics, Science and English in primary schools with advanced standards based on the integration of the national English program with the Vietnamese program in Ho Chi Minh City," *Ho Chi Minh city University Journal of Science*, vol. 14, no. 7, pp. 191-198, 2017.
- [3] N. Sanlier and E. Konaklioglu, "Food safety knowledge, attitude and food handling practices of students," *British Food Journal*, vol. 114, no. 4, pp. 469-480, 2012.
- [4] B. Mullan, C. Wong, J. Todd *et al.*, "Food hygiene knowledge in adolescents and young adults," *British Food Journal*, vol. 117, no. 1, pp. 50-61, 2015.
- [5] D. Obande and I. Young, "Safe food refrigeration knowledge, attitudes, and practices of university students," *British Food Journal*, vol. 122, no. 4, pp. 1085-1098, 2020.
- [6] W. J. Zhou, X. L. Xu, G. Li *et al.*, "Effectiveness of a school-based nutrition and food safety education program among primary and junior high school students in Chongqing, China," *Global health promotion*, vol. 23, no. 1, pp. 37-49, 2016.
- [7] A. Ovca, M. Jevšnik, and P. Raspor, "Curriculum Analysis of Food Safety Competences at Elementary and Upper-Secondary Level of Formal Education Inside Food-Related Programs in Slovenia," *Journal of Food Science Education*, vol. 17, no. 2, pp. 42-51, 2018.
- [8] B. Eley, P. T. Lundgren, G. Kasza *et al.*, "Teaching young consumers in Europe: a multicentre qualitative needs assessment with educators on food hygiene and food safety," *Perspectives in Public Health*, vol. 142, no. 3, pp. 175-183, 2021.